

Bản án số: 88/2026/HSPT
Ngày 09 tháng 7 năm 2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ**

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Anh Đức

Các Thẩm phán: bà Lê Thu Hương, bà Trương Thị Anh

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Trịnh Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên tòa: Ông Vũ Duy Thiên - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hoá xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 119/2026/HSPT ngày 29/5/2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 123/QĐXXPT-HS ngày 09/6/2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 60/2026/QĐ-PT ngày 23/6/2026, Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số 10/2026/TB-TA ngày 06/7/2026, đối với bị cáo Mai Văn T, do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 42/2026/HS-ST ngày 14/4/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Thanh Hóa.

Bị cáo kháng cáo: Mai Văn T, sinh ngày 14/6/1994; căn cước công dân số: 038094000201 (Theo Danh bản số 236 lập ngày 16/11/2025 tại PTTGKVTS - Thanh Hóa); nơi thường trú: Thôn Bản Thiện 3, xã Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Mai Văn T1 và bà Lê Thị S; vợ là Đỗ Thị Hương (đã ly hôn) và có 02 con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại (có mặt).

Trong vụ án còn có những người tham gia tố tụng khác nhưng không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 17 giờ, ngày 09/9/2025, tại quán bia G, thuộc thôn H, xã A, tỉnh Thanh Hóa, Mai Văn T ngồi uống bia cùng H, B, N, đều thường trú tại: Thôn H, xã

A, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi uống bia được khoảng 1 giờ đồng hồ, thì anh Tùng đi về trước còn T, N, N ngồi uống bia tiếp. Trong lúc ngồi uống bia T nói với N về việc T đang nợ số tiền 118.000.000 đồng mà chưa có tiền trả nợ, nên có ý định dàn dựng cảnh đang bị bắt cóc để gửi cho gia đình nhằm mục đích để gia đình lo sợ T bị bắt cóc là thật để chuyển tiền chuộc, đồng thời nhờ N dùng băng dính trói tay, trói chân quay video để T gửi cho gia đình, thì được N đồng ý. Sau khi thống nhất nội dung dàn dựng cảnh T bị bắt cóc, T nhờ anh N chở T và N đến nhà nghỉ Thanh Thủy ở xã Tân Ninh, tỉnh Thanh Hóa để thực hiện hành vi trên. Trên đường đến nhà nghỉ, T vào quán tạp hóa ven đường mua một cuộn băng dính màu trắng. Khi đến nơi, anh N đi về còn T và N vào nhà nghỉ và thuê phòng 208. Sau khi lên phòng, T tự cởi trần, mặc quần đùi rồi ngậm trái ổi (T đã chuẩn bị trước đó) bỏ vào miệng để nhìn cho giống sung lên do bị đánh, rồi nhờ N dùng cuộn băng dính trói tay, trói chân T, T nằm sấp dưới nền nhà tắm và nhờ N lấy điện thoại của N ra quay lại video. Trong khi quay video, N có lời nói đe dọa “Đù mẹ mày, bảo người nhà chuyển tiền cho tao, nhanh còn giữ được cái mạng chó của mày”. Sau khi quay xong, N tháo băng dính cho T, T mượn điện thoại của N vào tài khoản zalo của N rồi đổi tên zalo thành “Nợ máu trả bằng máu” để nhắn tin gửi video hình ảnh cảnh T bị bắt cóc tại cửa khẩu Mộc Bài, tỉnh Tây Ninh cho tài khoản zalo của em gái T tên là “Tuồng Vy”, đồng thời nhắn tin “Thằng này cầm mạng tao 100tr giờ nó chơi không có tiền trả... mày là gì của nó” đồng thời gửi tọa độ có vị trí kèm theo tin nhắn “tao ở Tây Ninh, giáp Mộc Bài” cùng hình ảnh cửa khẩu Quốc tế Mộc Bài, mục đích để chị Mai Thị T2 và gia đình lo sợ, tưởng T bị bắt cóc để chuyển số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) chuộc T về. Sau khi nhận được tin nhắn và video, chị Mai Thị T2 gọi cho anh trai là Mai Văn G hỏi T có nhà không, anh G nói T không có nhà, nên chị T2 gửi đoạn video T bị trói cho anh G. Khi nhận và xem video và tin nhắn T bị trói, bắt cóc chị T2 và anh G rất hoang mang, lo sợ, tin T bị bắt cóc là thật, nếu không gửi tiền chuộc thì T sẽ bị nguy hiểm đến tính mạng và sức khỏe, nên anh Mai Văn G đã chuẩn bị 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) để chuộc T về. Đến 09h00 ngày 10/9/2025, Mai Thị T2 liên lạc lại với T và bảo gia đình đã chuẩn bị được tiền, T cần tiền mặt hay chuyển khoản, thì T yêu cầu chuyển khoản số tiền trên vào số tài khoản ngân hàng của Mai Văn T. Tuy nhiên, anh G chưa kịp chuyển tiền thì đến 16h00 ngày 10/9/2025, chị T2, anh G và gia đình biết được việc T tự dàn dựng mình bị bắt cóc để lấy tiền trả nợ, nên chị Mai Thị T2 gọi điện cho T thông báo việc gia đình đã biết T dựng cảnh tống tiền, và trình báo Công an xã Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Hiện trường nơi xảy ra vụ việc: Hiện trường nơi xảy ra sự việc được xác định tại phòng 208, nhà nghỉ T5 có địa chỉ tại: Thôn 8, xã K, tỉnh Thanh Hóa; phòng 208 nơi xảy ra vụ việc rộng 12m², có một cửa ra vào nối với hành lang ở hướng Nam, cửa

ra vào được làm bằng gỗ là loại cửa đơn mở vào, kích thước 2m40 x 0,7m. Trong phòng được bố trí một bàn, một ghế ở hướng Tây Bắc, giữa phòng được kê một giường đôi kích thước 1m8 x 2m, trên giường có gối và vỏ đệm màu xanh, chăn màu trắng. Tại hướng Đông của phòng được bố trí nhà tắm kèm nhà vệ sinh, có kích thước 1m75 x 1m65, nhà tắm có một cửa bằng gỗ được đặt ở hướng Tây, bên trong nhà tắm được bố trí bồn rửa mặt và bồn đi vệ sinh; xác định hiện trường, theo sự mô tả, chỉ dẫn của đối tượng, tại thời điểm quay video ghi nhận vị trí, dấu vết như sau:

Vị trí số 1: Mai Văn T nằm dưới nền nhà vệ sinh (WC), tư thế nằm úp, mặt quay vào trong, chân quay ra ngoài cửa.

Vị trí số 2: H cầm điện thoại quay, bên trái vị trí Mai Văn T nằm trên nền nhà vệ sinh.

Tại Bản kết luận giám định số 4232/KL-KTHS ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hoá kết luận: Đối với các tệp video: “Video quay cảnh T bị trói.mp4”, “7004948958604.mp4”, “7004948958843.mp4”: Không tìm thấy dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung hình ảnh trong các tệp video lưu trong các mẫu vật gửi giám định.

Vật chứng, tài sản thu giữ: Quá trình điều tra đã trả lại cho chị Mai Thị T2 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy Note 10; 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Redmi Note 14, màu đen thu giữ của H đang được bảo quản tại Phòng thi hành án.

Về phần dân sự: Sau khi phạm tội, nhận thức được hành vi phạm tội của mình là vi phạm pháp luật, nên Mai Văn T và H đã tự nguyện bồi thường thiệt hại tổn thất tinh thần cho chị Mai Thị T2 số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng). Chị Mai Thị T2 đã nhận đủ tiền và không có yêu cầu đề nghị gì về phần dân sự. Chị T2 có đơn xin miễn trách nhiệm hình sự cho các bị cáo và đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 42/2026/HSST ngày 14/4/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Thanh Hoá, đã Quyết định:

Căn cứ: điểm d khoản 2 Điều 170; Điều 17; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Mai Văn T phạm tội: “*Cưỡng đoạt tài sản*” .

Xử phạt: Bị cáo Mai Văn T 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về hình phạt đối với bị cáo khác, về xử lý vật chứng, án phí, và dành quyền kháng cáo.

Ngày 24 tháng 4 năm 2026, Tòa án nhân dân khu vực 3 – Thanh Hóa nhận được Đơn kháng cáo của bị cáo Mai Văn T với nội dung: Xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo giữ nguyên kháng cáo, đề nghị HĐXX phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần hình phạt. Về án phí, bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Lời sau cùng, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của bị cáo Mai Văn T làm trong hạn luật định, đơn hợp lệ nên được Hội đồng xét xử xem xét và giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng: Quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Về nội dung: Quá trình xét hỏi và tranh luận tại phiên tòa, bị cáo Mai Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như phần nội dung vụ án đã tóm tắt nêu trên. Lời khai nhận tội của bị cáo tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa là phù hợp với nhau, cùng các tài liệu chứng cứ khác được thu thập khách quan, đúng pháp luật có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 17 giờ, ngày 09/9/2025, do cần tiền trả nợ cá nhân, nên Mai Văn T đã nhờ H quay video dàn dựng cảnh T bị bắt cóc để gửi video này về cho chị Mai Thị T2 (em gái T), để chị T2 lo sợ T bị bắt cóc và chuyển tiền cho T lấy tiền trả nợ. Bị cáo T thực hiện hành vi có sự chuẩn bị, tính toán và dàn dựng nhiều công đoạn, bị cáo là người khởi xướng, chuẩn bị công cụ (băng dính, quả ổi) và trực tiếp chỉ đạo N thực hiện các hành vi trói tay chân, quay video giả cảnh bị bắt cóc. Bị cáo không chỉ dùng thủ đoạn gian dối mà còn sử dụng thủ đoạn uy hiếp tinh thần chị Mai Thị T2 bằng cách gửi hình ảnh bạo lực kèm lời đe dọa sát hại ("nhanh còn giữ được cái mạng chó") và tạo vị trí giả tại khu vực biên giới Cửa khẩu Mộc Bài để tăng độ tin cậy cho bị hại, nhằm chiếm đoạt 100.000.000đ của chị Mai Thị T2.

Toà án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Cưỡng đoạt tài sản” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 170 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp

luật.

[4] Xét nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, thấy rằng:

Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đầy đủ tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, vai trò của bị cáo cũng như các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự gồm: tự nguyện bồi thường thiệt hại, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị hại đã nhận đủ tiền bồi thường, không yêu cầu bồi thường thêm, có đơn xin miễn trách nhiệm hình sự và xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Những tình tiết này đều đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

Tại cấp phúc thẩm, bị cáo không xuất trình thêm tài liệu, chứng cứ thể hiện tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới mà Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét. Xét thấy, mức hình phạt 04 năm 06 tháng tù mà Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đối với bị cáo là tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, vai trò của bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã được xem xét. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tại phiên tòa là phù hợp.

[5] Về án phí: Kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Mai Văn T, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 42/2026/HS-ST ngày 14/4/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Thanh Hoá về hình phạt.

- **Tuyên bố:** Bị cáo Mai Văn T phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

Căn cứ vào: điểm d khoản 2 Điều 170; Điều 17; Điều 38; điểm b, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự.

- **Xử phạt:** Bị cáo Mai Văn T **04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Về án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14: Bị cáo Mai Văn T phải nộp 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa PT-TANDTC tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Thanh Hoá;
- TAND khu vực 3 – Thanh Hóa;
- Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ; VP; Tòa HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Anh Đức